

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/9/2022

V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Trường Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Ông Lê Công Nhận

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2022 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Thuý L, sinh năm 1995 (xin xét xử vắng mặt; địa chỉ: Thôn 1 V, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức U, sinh năm 1982 (vắng mặt); địa chỉ: Đội 14, thôn V, xã V2, huyện H, Hải Dương.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1958 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn V, xã V2, huyện H, Hải Dương.

- Ông Đặng Quý B, sinh năm 1950 (vắng mặt); địa chỉ: Thôn 1 V, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị L và anh U kết hôn vào ngày 25/9/2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V2, huyện H. Từ khoảng tháng 02 năm 2020 vợ chồng chị phát sinh

mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thể bảo ban nhau trong cuộc sống cũng như cách làm ăn. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không được cải thiện, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2020, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm với anh U nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh U.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Đức Quân, sinh ngày 27/5/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Quân vẫn ở với anh U. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho anh U tiếp tục nuôi con chung, chị chấp nhận cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/1 tháng theo yêu cầu của anh U.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có quan điểm: Thống nhất với nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Vợ chồng bất đồng tính cách, lối sống, hai bên sống ly thân từ tháng 03/2020 cho đến nay, không còn biện pháp nào để khắc phục được tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Tuy vậy, anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc con chung.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Đức Quân, sinh ngày 27/5/2017. Khi ly hôn anh xin nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ Hiện nay, anh làm công nhân, thu nhập trung bình một tháng từ 06 đến 12 triệu đồng.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị N, ông Đặng Quý B và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị L, anh U đã nảy sinh mâu thuẫn đến nay không còn biện pháp nào cải thiện được tình trạng hôn nhân. Ngoài ra, người làm chứng đều đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Đức Quân, sinh ngày 27/5/2017 cho anh U nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, VKSND huyện Thanh Hà đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xử chị L và anh U ly hôn. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 27/5/2017 cho anh U nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L, anh U có đăng ký kết hôn tại UBND xã V2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nên có đủ căn cứ xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng do tính tình không hợp nhau, dẫn đến hay xảy ra xô xát, cãi vã. Từ tháng 03/2020 đến nay, chị L và anh U sống ly thân mà không có biện pháp nào khắc phục tình trạng mâu thuẫn giữa hai người. Anh U tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng không chủ động tìm gặp chị L để nói chuyện tháo gỡ mâu thuẫn, không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L làm đơn xin ly hôn anh U. Xét thấy: Tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị L ly hôn anh U là phù hợp quy định pháp luật.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng chị L, anh U có 01 con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 27/5/2017. Hiện nay, anh U đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L, anh U đều đề nghị Tòa án giao con chung cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, HĐXX giao con chung cho anh U nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con chung.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh U thống nhất chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1 tháng. Xét thấy, sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật, nên được HĐXX chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đặng Thị Thuý L ly hôn anh Nguyễn Đức U'.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 27/5/2017 cho anh Nguyễn Đức U' nuôi dưỡng; chấp nhận tự nguyện của chị Đặng Thị Thuý L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1 tháng kể từ tháng 09 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Đặng Thị Thuý L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Thuý L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000412 ngày 27/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị L còn phải nộp 300.000đ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã V2, huyện Thanh Hà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Trường Giang